

Chúng tôi xin giới thiệu hướng dẫn giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 4: Caring for those in need được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ với nội dung dịch rõ ràng và chính xác. Hỗ trợ các em tiếp thu bài mới và trau dồi vốn từ vựng hiệu quả.

Unit 4: Pronunciation (trang 26)

1. (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 mới) In each set, find the word in which the underlined vowel can be elided or pronounced differently from the rest. (Trong mỗi tập hợp, tìm từ trong đó nguyên âm được gạch chân có thể được đọc lướt hoặc phát âm khác với các từ còn lại.)

Đáp án:

1. D 2. A 3. D 4. B 5. B

Giải thích:

- Phần gạch chân được phát âm là /ə/, còn lại phát âm là /e/.
- Phần gạch chân được phát âm lướt qua là /ə/, còn lại phát âm rõ là /ə/.
- Phần gạch chân được phát âm là /ɪ/, còn lại phát âm lướt là /ə/.
- Phần gạch chân được phát âm lướt qua là /ə/, còn lại phát âm là /ɪ/.
- Phần gạch chân được phát âm là /ɜ:/, còn lại phát âm là /ə/.

2. (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the following sentences aloud and pay attention to the words with reduced vowels before /l/, /n/ or /r/. (Đọc to các câu sau đây và chú ý đến những từ có nguyên âm giảm trước /l/, /n/ hoặc /r/.)

- You can charge your smartphone's battery in this library.
- Mr Wood, who is an expert on contemporary Thai art, is reading a history book.
- The police are questioning the family who received the threatening letter yesterday.
- The cameraman should shoot the scenes separately.
- Most teens think reading online is preferable to a visit to the local library.

Hướng dẫn dịch:

- Bạn có thể sạc pin cho điện thoại thông minh của bạn trong thư viện này.
- Ông Wood, một chuyên gia về nghệ thuật đương đại Thái Lan, đang đọc một cuốn sách lịch sử.

3. Cảnh sát đang thẩm vấn gia đình đã nhận được lá thư đe dọa ngày hôm qua.
4. Người quay phim nên quay các cảnh riêng biệt.
5. Hầu hết các bạn tuổi teen nghĩ rằng đọc trực tuyến là thích hợp hơn thay vì một chuyến ghé thăm thư viện địa phương.

Unit 4: Vocabulary & Grammar (trang 27)

1. (trang 26 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the following crossword puzzle. (Hoàn thành trò chơi ô chữ dưới đây.)

Đáp án:

1. ACCESS
2. VISUAL
3. SUPPORT
4. MOBILITY
5. SPECIAL
6. WHEELCHAIR
7. DISABLED
8. IMPAIRMENT

Hướng dẫn dịch:

Hàng ngang:

1. cơ hội hoặc quyền sử dụng một cái gì đó
2. liên quan đến việc nhìn
3. cảm thông, giúp đỡ hoặc khuyến khích một người nào đó đang ở trong một tình huống khó khăn
4. khả năng di chuyển dễ dàng

Hàng dọc:

5. được dự định hoặc được thiết kế cho một mục đích hoặc người cụ thể

6. một chiếc ghế với bánh xe mà một người không thể đi bộ sử dụng để di chuyển xung quanh
7. không thể sử dụng một phần của cơ thể hoặc bộ não đúng cách
8. trạng thái trong đó một phần của tâm trí hoặc cơ thể của một người không thể hoạt động hiệu quả

2. (trang 27 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the sentences with the words from the puzzle in

1. Change the word form, if necessary. (Hoàn thành các câu với các từ có trong trò chơi giải đố ở Bài 1. Thay đổi dạng của từ nếu cần thiết.)

Đáp án:

1. mobility 2. visual
3. wheelchairs 4. support
5. accessible

Hướng dẫn dịch:

1. Những người bị suy giảm khả năng vận động gặp khó khăn khi leo cầu thang.
2. Trường học đặc biệt này giúp học sinh khiếm thị học chữ Braille.
3. Xe lăn điện đã được sử dụng rộng rãi hơn so với những chiếc xe lăn dùng tay.
4. Chúng tôi đã đưa ra các dịch vụ khác nhau để hỗ trợ người khuyết tật học tập.
5. Chúng tôi đã tìm ra cách để làm cho trường học có thể dễ dàng được tiếp cận bởi học sinh khuyết tật.

3. (trang 27 SBT Tiếng Anh 11 mới) Complete the following sentences with the past simple or present perfect of the verbs in brackets. (Hoàn thành các câu sau đây với thì quá khứ đơn hoặc hiện tại hoàn thành của các động từ trong ngoặc đơn.)

Đáp án:

1. completed 2. have become
3. decided 4. have taken
5. Have you ever helped 6. carried

Hướng dẫn dịch:

1. Chúng tôi đã hoàn thành một dự án tình nguyện cho trung tâm cộng đồng của chúng tôi cách đây một tháng.
 2. Kể từ cuộc họp cuối cùng của chúng tôi, hầu hết các sinh viên đã trở nên tham gia nhiều hơn vào hoạt động tình nguyện.
 3. Tuần trước, các nhà lãnh đạo Đoàn Thanh niên quyết định khởi động một chiến dịch để giúp trẻ khuyết tật học tập.
 4. Nhiều tình nguyện viên đã tham gia vào các chương trình của chúng tôi kể từ khi chiến dịch được khởi động.
 5. Bạn đã bao giờ giúp sinh viên có nhu cầu giáo dục đặc biệt chưa?
 6. Học kỳ cuối của chiếc xe lăn của tôi bị hỏng, vì vậy người bạn tốt nhất của tôi đã mang tôi đi học trở lại.
- 4. (trang 27 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Rewrite these sentences, using the words and phrases given. (Viết lại những câu này, sử dụng các từ và cụm từ cho trước.)

Đáp án:

1. We started working on this programme five years ago.
2. Teachers at the school for gifted students have recently discovered that some of their students also have learning disabilities.
3. In 2008 our instructors began to teach extra classes for students with learning disabilities.
4. We have already created a resource room for talented students with learning disabilities since 2013.
5. In January our school started using the same curriculum for both talented and challenged students.
6. Students with disabilities in our school have participated in a special programme since 2010.
7. We have won the UNESCO charity award three times (since 2011).

Hướng dẫn dịch:

1. Chúng tôi đã bắt đầu thực hiện chương trình này cách đây 5 năm.
2. Giáo viên tại trường dành cho học sinh năng khiếu gần đây đã phát hiện ra rằng một số học sinh của họ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp thu.

3. Trong năm 2008, các giáo viên của chúng tôi đã bắt đầu dạy thêm các lớp cho học sinh khuyết tật học vấn.
4. Chúng tôi đã tạo ra một phòng tài nguyên cho các học sinh tài năng bị khuyết tật học vấn kể từ năm 2013.
5. Vào tháng Giêng, trường chúng tôi bắt đầu sử dụng cùng một chương trình giảng dạy cho cả học sinh tài năng và được thử thách.
6. Học sinh khuyết tật tại trường chúng tôi đã tham gia vào một chương trình đặc biệt từ năm 2010.
7. Chúng tôi đã giành được giải thưởng từ thiện của UNESCO ba lần (kể từ năm 2011).

5. (trang 28 SBT Tiếng Anh 11 mới) There is one verb in each sentence which is in the wrong tense. Find it and correct the mistake. (Có một động từ trong mỗi câu đang bị sai thì. Tìm từ đó và sửa lỗi.)

Đáp án:

1. received => have received
2. read => have read
3. has not been able => was not able
4. has become => became
5. has been => was

Unit 4: Reading (trang 29)

1. (trang 29 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the text and choose the best answer (A, B, C or D) for each blank. (Đọc đoạn văn và chọn câu trả lời đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho mỗi chỗ trống.)

Đáp án:

1. D 2. A 3. A 4. C
5. B 6. D 7. C 8. B

Hướng dẫn dịch:

Hỗ trợ người khuyết tật Việt Nam (VNAH) là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập năm 1991 để hỗ trợ người khuyết tật tại Việt Nam. Mục tiêu chính của tổ chức là giúp người khuyết

tật vượt qua những khó khăn của họ. Một số chương trình của VNAH cung cấp hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các phòng khám và nhà máy sản xuất xe lăn trong việc sản xuất xe lăn chất lượng cao và chi phí thấp.

Để hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn, VNAH đã thành lập Văn phòng Hỗ trợ Kỹ thuật về Khuyết tật (ODTA) tại Hà Nội. Ngoài ra, VNAH cũng đã triển khai một chương trình hỗ trợ chính phủ trong việc cải thiện các hoạt động mang lại lợi ích cho người khuyết tật.

Hợp tác với Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, VNAH hiện đang làm việc để hỗ trợ các cơ quan khác nhau ở Việt Nam. Sự chú ý đặc biệt được dành cho việc cung cấp cho người khuyết tật quyền truy cập đầy đủ đến với tất cả các cơ sở hạ tầng và dịch vụ.

2. (trang 30 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the text and decide whether the following statements are true (T) or false (F). (Đọc văn bản và xác định xem các khẳng định sau đây là đúng (T) hay sai (F).)

Đáp án:

1. T 2. F 3. F 4. T 5. T

Hướng dẫn dịch:

Cuộc sống tốt hơn cho người khuyết tật

Bởi Tạp chí Thanh thiếu niên Khai Tam

Tuần trước, các nhà lãnh đạo Đoàn Thanh niên đã phỏng vấn một số tình nguyện viên đã làm việc với trẻ em khuyết tật. Họ hỏi họ liệu thái độ và cuộc sống của những người này có thay đổi hay không. Đây là một số phản hồi của họ.

“Tôi nghĩ rằng có nhiều sự hỗ trợ hơn cho trẻ em khuyết tật hiện nay,” Kevin, một học sinh lớp 11 nói. “Có nhiều cơ sở và thiết bị đặc biệt hơn được thiết kế để giúp những người bị suy giảm khả năng vận động di chuyển. Ngoài ra còn có các hình thức mới của Công nghệ hỗ trợ có thể giúp những người khiếm thị và khiếm thính. Vì vậy, tôi nghĩ người khuyết tật có thể đến với nhiều địa điểm hơn và tham gia nhiều hoạt động hơn.”

Hùng, lớp trưởng của lớp 11A, nói thêm, “Vâng, về mặt giáo dục, có nhiều trường đặc biệt dành cho trẻ em khuyết tật, ngay cả ở các nước đang phát triển. Ngoài ra, có rất nhiều trường học mà học sinh khuyết tật và không khuyết tật được giáo dục cùng nhau. Điều này đã mang lại nhiều lợi ích cho cả hai nhóm và đã giảm phân biệt đối xử đối với người khuyết tật.”

Khi được hỏi về trải nghiệm tình nguyện của mình, Anna đến từ lớp 12B đã nói, “Trải nghiệm tình nguyện của tôi đã giúp tôi hiểu được về trẻ em khuyết tật và sự hỗ trợ mà các em cần. Nó cũng giúp tôi tự tin hơn và giúp tôi nhận ra sự khác biệt tôi có thể tạo ra cho cuộc sống của người khác. Tôi cũng đã gặp rất nhiều người khuyết tật tài năng, những người đã hoàn thành công việc, sống tự lập và đóng góp cho cộng đồng.”

"Điều quan trọng nhất là thái độ của xã hội đối với người khuyết tật đã thay đổi", Anna nhấn mạnh. Giờ đây, mọi người có thể tham gia hoặc xem các sự kiện dành cho các vận động viên khuyết tật như Thế vận hội Viễn Đông và Nam Thái Bình Dương dành cho người khuyết tật (Thế vận hội FESPIC), Paralympics hoặc ASEAN Para Games. Xem những sự kiện này đem lại rất nhiều cảm hứng vì thành tích của họ thật tuyệt vời." Cô thực sự thích phương châm của FESPIC Games: "Vượt qua thử thách, truyền cảm hứng cho người khác."

1. Theo Kevin, hiện nay có nhiều cách hơn để hỗ trợ những người bị suy giảm khả năng vận động.
2. Công nghệ hỗ trợ chỉ có thể giúp những người khiếm thị.
3. Theo ý kiến của Hùng, giáo dục học sinh khuyết tật và không khuyết tật trong cùng một trường dẫn đến phân biệt đối xử với người khuyết tật.
4. Anna đã gặp những người đã vượt qua khuyết tật của họ và thành công trong công việc và cuộc sống của họ.
5. Anna nghĩ rằng các sự kiện quốc tế cho các vận động viên khuyết tật có thể giúp cho chúng ta trở thành những con người tốt hơn.

3. (trang 31 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read the text again and choose the best answer for the following questions. (Đọc lại văn bản và chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau.)

Đáp án:

1. A 2. B 3. C
4. C 5. D

Unit 4: Speaking (trang 31)

1. (trang 31 SBT Tiếng Anh 11 mới) Put the responses into the appropriate blanks. Then practise the conversation with a partner. (Đặt các phản hồi vào chỗ trống thích hợp. Sau đó, thực hành đoạn hội thoại với một người bạn.)

Đáp án:

1. c 2. d 3. b 4. a

Hướng dẫn dịch:

Beth: Xin chào, Kevin. Đạo này bạn thế nào?

Kevin: Xin chào, tôi ổn. Bạn ổn chứ? Bạn đang khóc ư? Đôi mắt của bạn đều đang sưng và đỏ.

Beth: Tôi ổn. Tôi vừa trở về từ Trường học Texas cho những học sinh khiếm thị.

Kevin: Ồ, chuyện gì đã xảy ra?

Beth: Tôi đã tham dự một lớp âm nhạc ở đó. Họ đều rất tài năng và trông rất hạnh phúc. Tôi cảm thấy xấu hổ về bản thân mình. Tôi thường phàn nàn về cuộc sống của mình trong khi một số người thậm chí không có cơ hội như nhau.

Kevin: Đúng, tôi cũng cảm thấy như vậy khi lần đầu tiên tôi đi làm tình nguyện ở đó.

Beth: Tôi không biết bạn đã tình nguyện ở trường đó. Bạn có thường xuyên giúp đỡ họ không?

Kevin: Tôi cố gắng làm 2-3 ngày làm việc tình nguyện mỗi tháng. Có lẽ chúng ta có thể đi cùng nhau lần sau.

Beth: Thật tuyệt. Tôi đang nghĩ đến việc làm một ít bánh cho các em. Bạn có muốn giúp tôi không?

Kevin: Chắc chắn rồi. Chúng ta có thể lấy một ít bánh nướng cho bọn trẻ. Mẹ tôi có rất nhiều công thức nấu ăn. Tôi sẽ hỏi mẹ tôi một số công thức.

2. (trang 32 SBT Tiếng Anh 11 mới) Work in pairs. Play the roles of Beth and Kevin in Activity 1 and continue the conversation by making plans to help the disabled students. You can use the suggested guidelines below. (Làm việc theo cặp. Đóng vai Beth và Kevin trong Hoạt động 1 và tiếp tục cuộc trò chuyện bằng cách lập kế hoạch để giúp đỡ các học sinh khuyết tật. Em có thể sử dụng các gợi ý được đề xuất bên dưới.)

Đáp án:

Student A: Hey! Do you have a moment? I want to talk to you about our plan next week.

Student B: Sure. I was about to call you. Thank you for sending the recipe. I've made a shopping list so we can keep track of what we're going to buy. Here, take a look.

Student A: Great. But we don't have to buy flour. There is some leftover at home from the last time my mum made some cakes.

Student B: Do you think 20 cupcakes will be enough?

Student A: Of course. There are about 10 to 15 students in one class. We can even share some cupcakes with the teachers.

Student B: I also want to read some stories to the kids. I've found some interesting ones. Do you think we'll have time?

Student A: Yes, we'll have plenty of time. I'm going to bring some Braille storybooks as well.

Student B: So let's go shopping on Thursday. You can help me with the cupcakes on Friday morning, then we'll go to school together.

Student A: OK. And I'll bring the flour and the books.

Student B: That sounds good to me. See you on Thursday.

Hướng dẫn dịch:

Học sinh A: Này! Bạn có rảnh không? Tôi muốn nói với bạn về kế hoạch của chúng ta vào tuần tới.

Học sinh B: Chắc chắn rồi. Tôi đã định gọi cho bạn. Cảm ơn bạn đã gửi công thức. Tôi đã tạo danh sách mua sắm để chúng ta có thể theo dõi những gì chúng ta sẽ mua. Ở đây, hãy xem này.

Học sinh A: Tuyệt. Nhưng chúng ta không phải mua bột mì. Có một ít còn sót lại ở nhà từ lần trước mẹ tôi làm bánh.

Học sinh B: Bạn có nghĩ rằng 20 chiếc bánh nướng sẽ là đủ?

Học sinh A: Tất nhiên. Có khoảng 10 đến 15 học sinh trong một lớp. Chúng ta thậm chí có thể chia sẻ một số chiếc bánh với các giáo viên.

Học sinh B: Tôi cũng muốn đọc một số câu chuyện cho lũ trẻ. Tôi đã tìm thấy một số câu chuyện thú vị. Bạn có nghĩ rằng chúng ta sẽ có thời gian không?

Học sinh A: Vâng, chúng ta sẽ có nhiều thời gian. Tôi sẽ mang theo một số cuốn sách có chữ nổi.

Học sinh B: Vậy hãy đi mua sắm vào thứ Năm nhé. Bạn có thể giúp tôi làm bánh nướng vào sáng thứ Sáu, sau đó chúng ta sẽ đi học cùng nhau.

Học sinh A: OK. Và tôi sẽ mang bột mì và sách.

Học sinh B: Nghe hay đấy. Hẹn gặp lại vào thứ Năm nhé.

Unit 4: Writing (trang 32)

1. (trang 32 SBT Tiếng Anh 11 mới) Write recommendations to improve accessibility for disabled people, using the words and phrases given. Change the word forms, if necessary. (Viết các gợi ý để cải thiện khả năng tiếp cận cho người khuyết tật, sử dụng các từ và cụm từ được cho sẵn. Thay đổi dạng từ nếu cần thiết.)

Đáp án:

1. We should improve home safety and provide a friendly environment for disabled people.
2. We ought to consider different ways to make day-to-day life easier for people with disabilities.
3. We ought to remove the barriers that stop disabled people from contributing to the community.
4. We should help people with disabilities (to) engage in hobbies and sports activities.
5. We should provide people with hearing impairments with suitable hearing aids.
6. We need to change the way we think about and act towards people in need.

Hướng dẫn dịch:

1. Chúng ta nên cải thiện sự an toàn tại nhà và cung cấp một môi trường thân thiện cho người khuyết tật.
2. Chúng ta nên xem xét các cách khác nhau để làm cho cuộc sống hàng ngày dễ dàng hơn cho người khuyết tật.
3. Chúng ta nên loại bỏ các rào cản ngăn cản người khuyết tật đóng góp cho cộng đồng.
4. Chúng ta nên giúp những người khuyết tật tham gia các hoạt động thể thao và sở thích của họ.
5. Chúng ta nên cung cấp cho người khiếm thính với máy trợ thính phù hợp.
6. Chúng ta cần thay đổi cách chúng ta suy nghĩ và hành động đối với những người cần sự giúp đỡ.

2. (trang 33 SBT Tiếng Anh 11 mới) Read Nam's report about his visit to a special school. Identify a problem he mentions and write your recommended solutions to it in the space below. (Đọc báo cáo của Nam về chuyến thăm của cậu ấy đến một trường học đặc biệt. Xác định một vấn đề mà cậu ấy đề cập và viết các giải pháp mà em đề xuất cho vấn đề đó trong chỗ trống dưới đây.)

Đáp án:

Problem: There were not many books written in Braille

Solution 1: Record some short stories on audio recording devices

Solution 2: Organise story-reading events

Conclusion: Volunteer students can record short stories and read stories for students with visual impairments. This can provide more opportunities for children to enjoy different books.

Hướng dẫn dịch:

Sáng hôm qua, trường chúng tôi đã đi thăm trường học đặc biệt Hoàng Mai tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi chúng tôi ở đó, chúng tôi đã có cơ hội gặp gỡ những học sinh khuyết tật khác nhau và tham gia vào các hoạt động của trường. Đầu tiên, chúng tôi đã nói chuyện với những người khiếm thị. Sau đó, chúng tôi quan sát một lớp học đọc sách chữ nổi Braille. Chúng tôi được biết rằng không có nhiều cuốn sách được viết trong hệ thống chữ nổi này. Sau đó, chúng tôi đã gặp những đứa trẻ bị khiếm thính. Giáo viên của họ dạy chúng tôi một số ngôn ngữ ký hiệu cơ bản để chúng tôi có thể chào hỏi họ. Chúng tôi được thông báo rằng máy trợ thính rất tốn kém và một số phụ huynh không thể chi trả cho họ. Đó là một chuyến thăm hữu ích cho lớp chúng tôi. Chúng tôi đã quyết định sẽ bắt đầu làm tình nguyện tại trường, và tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều có thể giúp những đứa trẻ này học các kỹ năng và có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Vấn đề: Không có nhiều sách được viết bằng chữ nổi

Giải pháp 1: Thu âm lại một số truyện ngắn bằng các thiết bị ghi âm

Giải pháp 2: Tổ chức các sự kiện đọc truyện

Kết luận: Các học sinh tình nguyện có thể ghi âm lại những câu chuyện ngắn và đọc truyện cho học sinh khiếm thị. Điều này có thể cung cấp nhiều cơ hội hơn cho trẻ em để thưởng thức những cuốn sách khác nhau.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 1: Caring for those in need đầy đủ nhất (Có đáp án) file Word, pdf hoàn toàn miễn phí!